

Tải FREE Tiểu Luận Môn Thông Lệ Trong Thương Mại Quốc Tế

1.Lời Mở Đầu Tiểu Luận Môn Thông Lệ Trong Thương Mại Quốc Tế

Ngành Thủy sản Việt Nam có sức ảnh hưởng to lớn đối với sự phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam. Hơn thế nữa, quy mô về giá trị sản xuất và số lượng lao động tham gia Ngành Thủy sản ngày càng được thúc đẩy mạnh mẽ; đóng vai trò quan trọng trong quá trình đưa Ngành Thủy sản trở thành một trong những ngành thế mạnh trong nền kinh tế Việt Nam nói chung. Trong giai đoạn hiện nay với lịch sử phát triển kéo dài nhiều thập kỷ, Ngành Thủy sản đang dần được nâng cao về cả số lượng và chất lượng.

Trong giai đoạn cuối thế kỷ 20, GDP của Ngành này đã tăng trưởng mạnh mẽ từ 6.664 tỷ đồng vào năm 1995 tới 14.906 tỷ đồng vào 2000; đến 2003 thì giá trị đạt 24.327 tỷ đồng. Tiếp theo, tỷ trọng của Ngành Thủy sản trong cơ cấu tổng sản phẩm nội địa của toàn bộ nền kinh tế Việt Nam vào 1990 xấp xỉ 3%, 2000 ghi nhận con số đạt 4% và tỷ lệ này vẫn tiếp tục được giữ vững trong các giai đoạn tiếp theo. Ngành Thủy sản được xem như là một ngành sản xuất có tính áp dụng kỹ thuật công nghệ; bao gồm nhiều yếu tố cùng hoạt động nhằm mang lại giá trị cao. Các yếu tố này bao gồm tính chất sản xuất nông nghiệp, quy trình công nghiệp, thương mại trao đổi và cung cấp các dịch vụ, được tổ chức và xây dựng trở thành một hệ thống đầy đủ quy trình và thực hiện hoạt động theo chuỗi giá trị; khả năng gắn kết chặt chẽ và hữu cơ với nhau. Trong điều kiện hết sức khó khăn như: dịch Covid-19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp, biến đổi khí hậu ngày càng cực đoan nhưng 9 tháng qua, ngành Nông nghiệp tiếp tục khẳng định là trụ đỡ của nền kinh tế, duy trì đà tăng trưởng 2,74%, đóng góp 23,52% vào mức tăng chung của toàn nền kinh tế. Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản ước đạt 35,5 tỷ USD, tăng 17,7%, đảm bảo nguồn cung lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu (Văn Giáp, 2021).

Tổng quan tình hình xuất nhập khẩu thủy sản Việt Nam: Trong tháng 8/2021, giá cá tra nguyên liệu tại tỉnh An Giang ổn định so với cuối tháng 7/2021 ở mức 21.800 22.200 đ/kg; Tại tỉnh Cà Mau, cuối tháng 8/2021, giá tôm sú cỡ 20 con/ kg tăng so với cuối tháng 7/2021, trong khi giá tôm sú cỡ 30, 40 con/kg giảm; giá tôm thẻ chân trắng giảm. Tháng 8/2021, xuất khẩu thủy sản bị tác động mạnh sau khi chững lại trong nửa cuối tháng 7/2021 khi dịch Covid-19 khiến nhiều tỉnh thành phía Nam, thủ phủ sản xuất và xuất khẩu thủy sản của cả nước buộc phải giãn cách theo chỉ thị 16 của Chính phủ. Thị phần thủy sản Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hàn Quốc 7 tháng đầu năm 2021 giảm so với cùng kỳ năm 2020 (Vasep, 2021).

2. Các Đề Mục Nội Dung Chính (14 Trang - 5200w)

2.1. Cơ sở lý luận

	Thông lệ	Luật quốc gia	Các điều ước quốc tế
Khái niệm	Thông lệ là được phát triển trong quá trình lịch sử loài người thông qua các quy tắc và quy ước xã hội địa phương. Quy tắc hoặc quy ước là một nguyên tắc xã hội hoặc hành vi đã được thiết lập đã được chấp nhận trong một xã hội và thường không cần chế tài pháp lý để trở thành ràng buộc.	Luật quốc gia là cơ quan luật áp dụng trên toàn quốc gia và các khu vực tài phán liên quan của quốc gia đó. Luật quốc gia cũng có thể đề cập đến bất kỳ loại luật nào được áp dụng trên toàn quốc, cụ thể là luật do các cơ quan chính phủ quốc gia như các bộ, ban ngành hoặc tòa án trong các khu vực tài phán đó tạo ra và thực thi. Luật Quốc gia cũng có thể được sử dụng trong một ngữ cảnh hẹp, để chỉ cụ thể đến các luật của chính phủ trung ương của quốc gia.	Điều ước quốc tế là những thỏa thuận giữa các quốc gia có chủ quyền thường điều chỉnh việc tiến hành các mối quan hệ chung của họ. Các điều ước quốc tế chủ yếu do các quốc gia thành viên Liên hợp quốc (LHQ) soạn thảo dưới sự bảo trợ của Đại hội đồng LHQ và quá trình xây dựng điều ước được giải thích bởi Điều 38–43 của Hiến chương Liên hợp quốc. Theo nguyên tắc có đi có lại, một quốc gia phải tôn trọng các điều ước quốc tế với các quốc gia khác nếu không sẽ phải đối mặt với các biện pháp trừng phạt từ các quốc gia khác hoặc các tổ chức quốc tế.
Vai trò	- Đóng vai trò là một nguồn luật, cùng với những nguồn luật khác để điều chỉnh hoạt động thương mại quốc tế hay những vấn đề phát sinh trong hợp đồng. - Đóng vai trò bổ trợ, giải thích những điều	- Điều chỉnh các quan hệ xã hội mà các quy tắc xử sự khác không điều chỉnh hết hoặc điều chỉnh chưa hiệu quả - Đóng vai trò như một nguồn luật cùng với nguồn luật khác để điều chỉnh hoạt động thương	- Điều ước quốc tế là khuôn khổ vừa để tạo ra luật quốc tế mới, vừa để giải thích và áp dụng các quy tắc đã có của luật quốc tế. - Thiết lập các cam kết ràng buộc về mặt pháp lý giữa các quốc gia nhằm duy trì hòa bình, an ninh và ổn định trên thế giới.

	khoản còn khúc mắc trong hợp đồng. - Là một phần hình thành nên quyết định xét xử.	mại quốc tế.	
Giống nhau	Thông lệ quốc tế, luật quốc gia hay các điều ước quốc tế đều là kết quả của sự thống nhất ý chí của các chủ thể thực hiện, giữa các bên với nhau đều bao gồm các công cụ để điều chỉnh quá trình hợp tác quốc tế.		
Khác nhau	- Sự khác biệt giữa điều ước quốc tế, thông lệ, luật quốc gia có thể phụ thuộc vào mục tiêu của chúng và một số yếu tố khác. Thông lệ là một thỏa thuận giữa các quốc gia mà không có bất kỳ nghĩa vụ pháp lý hoặc chính sách cơ bản nào. Lý do mà một thông lệ khác với các hiệp ước khác là vì nó không có sự phân chia pháp lý đã nêu. - Điều ước quốc tế là các thỏa thuận quốc tế được tạo ra bởi các nhà lãnh đạo của quốc gia và công dân của quốc gia mà họ sinh sống. Ngoài ra, cần có chữ ký của các nhà lãnh đạo của quốc gia để phê chuẩn bất kỳ loại điều ước nào. Luật quốc gia tạo ra bởi sự phê duyệt các lãnh đạo, chính quyền của một nước sở tại. - Thông lệ xuất phát từ tập quán thay vì được viết thành văn bản, nên không rõ luật tập quán chính xác bao gồm những gì. Mặt khác, một điều ước quốc tế có thể liên quan đến nhiều khu vực và sẽ được điều chỉnh bởi cơ quan tài phán liên bang hoặc quốc gia tùy thuộc vào nơi các bên liên quan cư trú. Thông lệ sẽ chỉ tác động đến một quốc gia và nó có thể được ví như các quy định của khu vực. - Không giống như thông lệ, điều ước quốc tế có hiệu lực đối với tất cả các quốc gia là thành viên của điều ước. Còn luật quốc gia chỉ có hiệu lực với quốc gia đó hoặc những doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ quốc gia đó. Thông lệ có thể chỉ bao gồm các lĩnh vực cụ thể hoặc các lĩnh vực quan tâm, chẳng hạn như các quy định thương mại quốc gia.		

2.2. Yêu cầu pháp lý trong hoạt động xuất khẩu thủy sản sang EU

Tại EU, đại dịch Covid đã làm cho khu vực EU sụt giảm mạnh nhất trong nhiều thập kỷ qua. Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) ngay từ quý đầu của năm 2020 giảm 3,8% và đến quý II giảm 14,6%. Trong hai quý cuối năm 2020, tình hình kinh tế có tiến triển hơn khi mức giảm chỉ còn trung bình 4,6% và tính chung cả năm 2020, GDP giảm 7,4%. Các hoạt động thương mại sụt giảm, tỷ lệ nợ công trong năm 2020 tăng 1.240 tỷ euro lên mức 11.100 tỷ euro, tương đương 98% GDP của toàn khu vực. Bên cạnh đó, sự

kiện Brexit chính thức được thực thi vào cuối năm 2020 đã làm cho chính trị Châu Âu biến động mạnh mẽ.

2.2.1. Nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU

2.2.1.1. Hệ thống thuế quan của EU

Thuế quan là loại thuế đánh vào việc nhập khẩu hàng hóa vào một quốc gia. EU có nhiều mức thuế để bảo vệ nền kinh tế của họ và giữ cho nó cạnh tranh trái ngược với các nước theo chủ nghĩa bảo hộ như Trung Quốc. Dưới đây là danh sách các mức thuế quan khác nhau theo WTO:

-10%: miễn thuế, phí khác nên không thay đổi giá xuất nhập khẩu. Các quốc gia bao gồm những điều này như một phần của các hiệp định thương mại với các quốc gia khác.

-5%: Một số hạn chế vẫn có thể được áp dụng nhưng hàng hóa có thể nhập khẩu miễn thuế và không thay đổi giá xuất khẩu, nhập khẩu. Các quốc gia bao gồm những điều này như một phần của các hiệp định thương mại với các quốc gia khác.

-0%: Không hạn chế. Đây là hình thức thuế quan phổ biến nhất được sử dụng ở EU. Không thay đổi giá xuất, nhập. Các quốc gia bao gồm những điều này như một phần của các hiệp định thương mại với các quốc gia khác.

-0,1%: Vẫn có thể áp dụng một số hạn chế nhất định nhưng hàng hóa có thể nhập khẩu miễn thuế và không thay đổi giá xuất khẩu, nhập khẩu. Các quốc gia bao gồm những điều này như một phần của các hiệp định thương mại với các quốc gia khác.

-0,5%: Một số hạn chế nhất định vẫn có thể được áp dụng nhưng hàng hóa có thể được nhập khẩu miễn thuế và làm tăng giá xuất khẩu hoặc nhập khẩu ở mức tối thiểu. Các quốc gia bao gồm những điều này như một phần của các hiệp định thương mại với các quốc gia khác.

-1%: Các hạn chế nhất định vẫn có thể được áp dụng. Hàng hóa có thể nhập khẩu miễn thuế nhưng làm tăng giá xuất khẩu, nhập khẩu. Các quốc gia bao gồm những điều này như một phần của các hiệp định thương mại với các quốc gia khác.

-2%: Các hạn chế nhất định vẫn có thể được áp dụng. Hàng hóa có thể nhập khẩu miễn thuế và làm tăng giá xuất khẩu, nhập khẩu nghiêm trọng. Các quốc gia bao gồm những điều này như một phần của các hiệp định thương mại với các quốc gia khác.

-4%: Một số hạn chế nhất định vẫn có thể được áp dụng, hàng hóa có thể được nhập khẩu miễn thuế và gây ra sự tăng giá nghiêm trọng đối với hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu, ảnh hưởng đến lượng nhỏ hàng hóa vào thị trường.

EU có một số lượng lớn các loại thuế quan nhưng chúng đều rất thấp để bảo vệ nền kinh tế. EU có một số mức thuế "loại trừ" chỉ gây hại cho một quốc gia chứ không gây hại cho các quốc gia khác. Ví dụ, thuế quan bảo hộ đối với hàng hóa nông nghiệp giúp ích cho nông dân ở châu Âu nhưng không phải ở các nước khác như Trung Quốc và Brazil.

EU có thể có thỏa thuận với các quốc gia khác để xóa bỏ thuế quan đối với hàng hóa cụ thể mặc dù EU vẫn áp dụng thuế đối với hàng hóa đó. Ví dụ, Bồ Đào Nha có các hiệp định thương mại tự do với Mỹ và Chile. Điều này loại bỏ thuế quan đối với cả phê từ những nước làm giảm giá cả phê ở EU. Tác động của việc dỡ bỏ thuế quan là làm tăng khối lượng hàng hóa giao dịch (và do đó là GDP) ở một quốc gia và giảm nó ở một quốc gia khác.

- Thuế nhập khẩu

Liên minh châu Âu áp thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm đến từ bên ngoài EU, bao gồm cả sản phẩm từ các nước thành viên khác. Thuế được đánh vào giá bán cuối cùng của sản phẩm và giá trị của sản phẩm đó tại quốc gia nơi sản phẩm được sản xuất. Dưới đây là một số nguyên tắc cơ bản chi phối cách thức hoạt động của loại thuế này.

Trước hết, hàng hóa không bị tính thuế trước khi nhập vào lãnh thổ của một quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu - thuế chỉ áp dụng cho các giao dịch mua vào lãnh thổ hải quan. Với hầu hết các mặt hàng nhập khẩu vượt quá € 820 mỗi kiện, bất kỳ hàng nhập khẩu nào cao hơn € 15.000 sẽ phải nộp thuế khi nhập cảnh vào khu vực hải quan của nước bạn.

Để xác định số thuế nhập khẩu phải trả, trước tiên phải quyết định xem sẽ thanh toán theo giá trị của chính hàng hóa hay theo giá bán lẻ. Nếu theo giá trị, cần lưu ý rằng có hai phương pháp để xác định điều này. Đầu tiên là tính toán dựa trên trọng lượng hoặc khối lượng / đơn vị tiêu chuẩn (được gọi là phương pháp thể tích). Một số quốc gia như Ireland và Đức sử dụng phương pháp này và những quốc gia khác như Pháp làm cả hai. Phương pháp chính thứ hai được sử dụng để xác định giá trị sản phẩm là dựa trên hóa đơn; phương pháp này được sử dụng ở hầu hết các nước như Áo, Bỉ, Đan Mạch và Ý.

Trong hầu hết các trường hợp, các doanh nghiệp nên sử dụng phương pháp cung cấp mức thuế suất thấp hơn. EU không cho phép công ty tiếp nhận thanh toán toàn bộ thuế nhập khẩu, vì vậy bạn phải thanh toán khoản này khi nhập cảnh vào quốc gia của mình.

Thuế nhập khẩu quần áo trung bình nằm trong khoảng từ 18 đến 21%. Tỷ lệ phổ biến là 20% thường được sử dụng khi nhập khẩu quần áo từ bên ngoài EU. Nếu mức thuế nhập khẩu lớn hơn được áp dụng cho những mặt hàng này, có thể là do chúng được làm từ da thật hoặc da thú. Nếu trường hợp này xảy ra, thì thay vì phương pháp đánh giá giá vốn như đã thấy ở trên, cần phải có hóa đơn để tính tiền thuế.

Các tỷ lệ này cũng phụ thuộc vào quốc gia xuất xứ. Ví dụ, Úc có mức thuế nhập khẩu ưu đãi là 5%, trong khi có những nước như Canada và Malaysia có ngưỡng miễn thuế là 1.000 đô la Úc. Đối với các sản phẩm thực phẩm, thuế suất trung bình chỉ ở mức trên 5% một chút. Mặc dù thuế nhập khẩu sẽ không được tính đối với hàng hóa mang vào EU trong hành lý cá nhân của bạn và những hàng hóa chỉ dành cho mục đích sử dụng cá nhân, nhưng chúng sẽ phải qua kiểm tra biên giới.

- Thuế ưu đãi

EU đã đặt ra các mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ một số tổ chức quốc tế. Tỷ lệ này dành cho những người làm việc trong các tổ chức quốc tế có trụ sở tại một quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu. Ví dụ, các nhà ngoại giao, đại diện tại các công ước quốc tế và những người làm việc trong các cơ quan của Liên hợp quốc có vị trí trong EU. Tương tự, khi trụ sở của tổ chức được đặt bên ngoài một quốc gia EU nhưng trụ sở của tổ chức vẫn nằm trong đó thì sẽ được ưu tiên chỉ trả 10%.

Thuế suất ưu đãi chỉ liên quan đến thu nhập từ chính các tổ chức quốc tế cụ thể chứ không liên quan đến bất kỳ hoạt động kinh doanh nào khác mà họ có thể tiến hành. Do đó, nếu bạn là một nhân viên và chủ của bạn trả cho bạn phần thưởng cho doanh số bán hàng mà bạn đã đạt được, nó sẽ không được coi là một phần tiền lương của bạn và 10% vẫn sẽ được áp dụng. Nếu bạn tự kinh doanh và kiếm tiền từ các công ty khác trong tổ chức hoặc bên ngoài thì mức phí sẽ áp dụng riêng.

- Thuế giá trị gia tăng (VAT)

VAT, còn được gọi là thuế giá trị gia tăng, là thuế nhập khẩu tạo thành một phần trong hóa đơn của nhiều quốc gia hoặc cộng đồng mà người tiêu dùng nhìn thấy trên giỏ hàng của họ trước khi mua một sản phẩm hoặc dịch vụ như xúc xích từ máy bán hàng tự

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

động. Nó thường là một tỷ lệ phần trăm đã đặt trên tổng giá của mặt hàng. Ví dụ, nếu một bài báo có giá 10 euro, thì một euro là VAT, chiếm 10% giá. Điều này cũng áp dụng cho các dịch vụ. Ví dụ, nếu bạn đến cửa hàng và yêu cầu cắt tóc có giá 100 euro, thì 20 euro là tiền thuế (chiếm 20%).

Thuế này được áp dụng đối với hầu hết mọi sản phẩm hoặc dịch vụ sẵn có từ các nhà cung cấp trong nước và nước ngoài. Tuy nhiên, mức thuế này có thể thay đổi tùy thuộc vào quốc gia mà nó được bán ở đó, vì vậy người ta phải cẩn thận khi mua những mặt hàng này qua các địa điểm hoặc tiểu bang khác nhau do sự khác biệt này. Dưới đây là mức thuế giá trị gia tăng của một số nước EU gần đây:

Bảng 1.1: Mức thuế giá trị gia tăng của một số nước EU

Các nước thuộc EU	Mức thông thường (%)	Mức thuế giảm (%)
Áo	20	10 và 12
Bỉ	21	0, 1, 6 và 12
Đan Mạch	25	
Phần Lan	22	8 và 17
Pháp	19,6	2,1 và 5,5
Đức	16	7
Hy Lạp	18	4 và 8
Aixolen	21	0 và 12,5
Italy	20	4 và 10

Luxemburg	15	3,6 và 12
Hà Lan	19	6
Bồ Đào Nha	17	5 và 12
Thụy Điển	25	6 và 12
Anh	17,5	0 và 5

Nguồn: <http://www.fistenet.gov.com>

- Thuế nông sản và hải sản:

Liên minh châu Âu tham gia vòng đàm phán Uruguay nhằm hủy bỏ mức thuế nhập khẩu nông sản trước kia của mình và thay bằng các công cụ thuế được chấp nhận rộng rãi hơn. Thuế nông sản gồm nhiều phần khác nhau, thuế theo mùa và dựa trên giá thời điểm nhập khẩu.

2.2.1.2. Hệ thống phi thuế quan của EU

Liên minh châu Âu sử dụng hệ thống phi thuế quan để điều chỉnh thương mại giữa các quốc gia. Hệ thống này được thiết kế để tránh việc tạo ra các rào cản giữa các quốc gia thành viên. WTO nhằm đảm bảo thương mại tự do theo các nguyên tắc và thông lệ bị cấm trong kinh tế quốc tế.

Hệ thống phi thuế quan của EU giúp các quốc gia hợp tác về các vấn đề kinh tế quốc tế mà không cần tham gia vào các cuộc đàm phán mang tính chính trị hoặc dựa vào thuế quan có thể cao tới 150%. Nó cũng cung cấp một cách để các quốc gia khám phá các lựa chọn giao dịch khác nhau mà không phải trải qua các thủ tục phức tạp và nó được thiết kế đặc biệt cho các quốc gia phát triển như Pháp, Ý hoặc Đức để giúp họ cạnh tranh với các quốc gia kém phát triển hơn như Nigeria hoặc Việt Nam có mức giá thấp hơn cho sản phẩm của họ nhưng lại tăng giá sau khi vào Châu Âu.

Thông qua hệ thống phi thuế quan của EU, mỗi quốc gia thành viên có thể theo đuổi chương trình nghị sự của riêng mình để điều tiết thương mại và các quốc gia châu Âu vẫn có thể hưởng lợi từ thương mại lẫn nhau.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

WTO đại diện cho nỗ lực tăng cường thương mại toàn cầu và tạo ra một diễn đàn trong đó các quốc gia có thể giải quyết các vấn đề kinh tế của họ.

Về luật, hàng rào phi thuế quan đối với thương mại là sự cản trở hoặc cản trở có ảnh hưởng đến thương mại mà không phải là thuế quan thực tế (thuế đánh vào hàng hóa nhập khẩu). Các rào cản có thể bao gồm: hạn ngạch nhập khẩu, kiểm soát ngoại hối, các yêu cầu về sức khỏe và an toàn, các biện pháp an ninh quốc gia, các điều khoản "mua quốc gia" trong luật mua hàng của chính phủ, quy định lao động, quy định về môi trường hoặc các hành động hoặc chính sách khác của chính phủ được thiết kế để ưu đãi các nhà sản xuất trong nước hơn các nhà sản xuất nước ngoài.

- *Quy định của EU về vệ sinh an toàn thực phẩm*

Liên minh châu Âu cho phép công dân EU đi lại tự do và buôn bán xuyên biên giới mà không cần thị thực hoặc các giấy phép khác. Sự tự do này đã dẫn đến một ngành công nghiệp quốc tế hóa hơn, nơi các tiêu chuẩn về thực phẩm "an toàn" được nâng lên ở tất cả các quốc gia và các tiêu chuẩn về thực phẩm "không an toàn" được hạ xuống. Brexit có thể ảnh hưởng lớn đến thương mại này vì nó có thể đồng nghĩa với việc ít tiếp cận với thực phẩm an toàn từ một số quốc gia có quy định thấp hơn.

Các yêu cầu về an toàn thực phẩm ở EU được đặt ra bởi quy định của Liên minh Châu Âu (EU) (EC) số 1272/2008, thường được gọi là "Quy định (EC) No 141/2000". Quy định này thiết lập một hệ thống kiểm tra các nhà hàng, siêu thị và những nơi chế biến thực phẩm khác, không chỉ để đảm bảo rằng tất cả thực phẩm được bán là an toàn mà còn giúp ngăn ngừa các bệnh truyền qua thực phẩm. Những kiểm tra này bao gồm việc thiết lập một Sổ đăng ký Kết quả, trong đó liệt kê các bệnh có trong thực phẩm được bán. Sổ đăng ký phải được cập nhật ít nhất mỗi năm một lần bởi bất kỳ cơ sở nào bán thực phẩm bị ô nhiễm. (Ví dụ: nếu một nhà hàng bị phát hiện bán thực phẩm bị ô nhiễm, sổ đăng ký phải được cập nhật trong vòng 24 giờ.)

Liên minh Châu Âu có các quy định nghiêm ngặt về vệ sinh an toàn thực phẩm do Cơ quan An toàn Thực phẩm Ireland (FSAI) áp đặt. Tổ chức này giám sát việc bảo vệ công chúng khỏi vi khuẩn, vi rút và các mối nguy tiềm ẩn khác trong tất cả các sản phẩm thực phẩm. EU cũng rất nghiêm ngặt đối với những loại thực phẩm có thể được nhập khẩu vào các quốc gia thành viên của mình.

Các quy định về an toàn thực phẩm của EU có ba cấp độ: Loại A, B và C. Các phân loại này được áp dụng tùy thuộc vào mức độ an toàn của một sản phẩm; chúng có rủi ro cao hơn đối với người tiêu dùng so với các mặt hàng Loại A. Loại A áp dụng cho các mặt hàng không có dấu vết của chất độc hoặc bệnh tật như thịt, gia cầm và các sản

phẩm từ sữa. Loại B đề cập đến các sản phẩm có thể chứa chất độc hoặc bệnh tật như cá, trứng và gia cầm. Loại C áp dụng cho các sản phẩm như thức ăn cho vật nuôi và chất bổ sung sức khỏe.

Các sản phẩm nhập khẩu vào EU cũng được Cơ quan An toàn Thực phẩm (FSAI) kiểm tra trước khi chúng được coi là an toàn cho công chúng. Thực phẩm nhập khẩu được quy định bởi một bộ hướng dẫn được gọi là Tiêu chuẩn chung về vệ sinh thực phẩm (GSF). Điều này quy định việc lưu trữ, xử lý và vận chuyển, đóng gói, dán nhãn và tất cả các hoạt động khác diễn ra sau khi thu hoạch sản phẩm thực phẩm.

Chính phủ EU có những quy định nghiêm ngặt về loại thực phẩm có thể được nhập khẩu vào đất nước của họ. Các quốc gia được chia thành hai loại, Quốc gia được chấp thuận và Quốc gia bị hạn chế. Các quốc gia được phê duyệt có các biện pháp kiểm soát chặt chẽ liên quan đến sự an toàn của các sản phẩm thực phẩm của họ. Tất cả các sản phẩm từ các quốc gia được Phê duyệt phải đáp ứng các tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn tương tự như Ireland. Các quốc gia bị hạn chế không tuân theo các tiêu chuẩn giống như các quốc gia được Phê duyệt, mặc dù tất cả các sản phẩm từ các quốc gia này vẫn phải trải qua một số cuộc kiểm tra của Cơ quan An toàn Thực phẩm (FSAI).

- *Quy định của EU về bảo vệ môi trường và nguồn lợi*

Liên minh Châu Âu cam kết đảm bảo rằng mọi người được bảo vệ khỏi bị thương do ô nhiễm gây ra. Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc đã kêu gọi giảm đáng kể các chất độc hại trong không khí, thực phẩm, nước và đất trên thế giới. Hơn nữa, nó cam kết bảo vệ đa dạng sinh học. Luật pháp ở Châu Âu liên quan đến việc hạn chế phát thải khí nhà kính và sự nóng lên toàn cầu. Là một phần trong các chính sách của mình về vấn đề này, EU đã thiết lập một bộ nguyên tắc về phát triển bền vững, trong đó kêu gọi: "Sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên", "Sử dụng có kiểm soát hoặc loại bỏ hoàn toàn chất thải tạo ra" và "Giảm thiểu hoặc tái sử dụng các sản phẩm phụ." Các quy định này nhằm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên cũng như khuyến khích tái chế.

Cam kết của EU về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường được thể hiện trong luật của EU. Nó có luật bảo vệ chất lượng không khí và nước, ngăn ngừa ô nhiễm đất và nước ngầm, và kiểm soát ô nhiễm từ các bãi chôn lấp. EU cũng đã ban hành luật yêu cầu tái sử dụng hoặc tái chế chất thải. EU đã rất tích cực trong việc xây dựng chính sách môi trường trong các lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ biển, các chất độc hại, sử dụng năng lượng hiệu quả cho ô tô và thiết bị, giảm nhẹ / thích ứng với biến đổi khí hậu / tích hợp vào các chính sách khác như giao thông hoặc năng lượng.

2.2.2. Nhân tố pháp lý khác ảnh hưởng tới xuất khẩu thủy sản sang EU

Trong điều kiện khí hậu hiện nay, trở thành một nhà xuất khẩu thủy sản sang Liên minh châu Âu là một nhiệm vụ khó khăn. Tất cả các sản phẩm cá nhập khẩu từ các nhà cung cấp của chúng tôi phải được chứng nhận bởi một tổ chức được công nhận chính thức về việc tuân thủ các quy định của EU. Tiêu chuẩn này áp dụng cho tất cả các mặt hàng nhập khẩu vào Châu Âu, bao gồm cá tươi và đông lạnh, hàng đóng hộp, hun khói hoặc hàng đã qua chế biến. Dưới đây là 3 yếu tố pháp lý chính ảnh hưởng tới xuất khẩu thủy sản sang EU:

1) Xuất khẩu từ các thị trường khác yêu cầu chứng nhận của một tổ chức được chính thức công nhận về việc tuân thủ các quy định của EU.

Ở các nước EU, các sản phẩm cho một lô hàng phải được chứng nhận bởi một tổ chức được chính thức công nhận (chẳng hạn như NASM hoặc BIPA) về việc tuân thủ Luật Cá & Sản phẩm Thủy sản của EU. Trong bối cảnh này, công nhận chính thức có nghĩa là tổ chức đã được Ủy ban Châu Âu chấp thuận để thực hiện chứng nhận sản phẩm và cơ sở. Việc chứng nhận được thực hiện bằng cách thử các mẫu của lô hàng và so sánh với giới hạn quốc gia trước khi xuất xưởng tại cảng nhập trong lãnh thổ EU. Sản phẩm chỉ được phát hành khi được xác nhận rằng chúng tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn và luật pháp quốc gia / EU.

Ngoài ra, các sản phẩm dành cho thị trường EU phải được chứng nhận bởi một tổ chức được chính thức công nhận về việc tuân thủ Luật pháp của EU về Sức khỏe Động vật và Phúc lợi Động vật.

2) Các quốc gia bên ngoài EU phải tuân thủ các yêu cầu chứng nhận cụ thể.

Khi xuất khẩu cá sang các nước ngoài EU, nên tuân thủ các yêu cầu chứng nhận cụ thể (ví dụ: Canada và Nga). Ủy ban Châu Âu công bố danh sách các quốc gia này trên trang web của mình nhằm cố gắng tạo ra sự rõ ràng về những gì được yêu cầu trước khi xuất khẩu hàng hóa.

3) Sử dụng các nguồn lực riêng để giám sát xuất khẩu thủy sản sang EU

Để xác định xem sản phẩm có tuân thủ các quy định của EU hay không, tổ chức nhập khẩu hàng hóa phải sử dụng các nguồn lực của chính mình. Tổ chức phải đến thăm từng địa điểm sản xuất hàng xuất khẩu và kiểm tra từng lô sản phẩm xuất khẩu ít nhất

mỗi tháng một lần. Nếu bất kỳ sản phẩm nào bị lỗi, sau đó nó sẽ không được phát hành để bán.

2.3. Ảnh hưởng liên quan đến tranh chấp trong hoạt động xuất khẩu thủy sản và bài học kinh nghiệm cho doanh nghiệp Việt Nam - Trung - 2500w

2.3.1. Ảnh hưởng liên quan đến tranh chấp trong hoạt động xuất khẩu thủy sản

2.3.1.1. Ảnh hưởng 1: vụ kiện cá tra- cá basa năm 2000

Sau khi gia nhập khối APEC, thuế nhập khẩu cá da trơn; đặc biệt là cá tra, cá basa của Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ giảm xuống do mất thuế đánh lên sản phẩm. Tại lúc đó, nhiều hộ gia đình tại miền Nam và miền Tây Việt Nam đẩy mạnh nuôi hai loại cá này. Tuy nhiên, việc nuôi trồng quá lớn kéo theo sự tăng trưởng xuất khẩu nóng và với giá trị xuất khẩu liên tục gia tăng theo thời gian đã có những tác động tiêu cực tới ngành thủy sản Hoa Kỳ. Việc giá cả sản phẩm Việt Nam giảm đã có ảnh hưởng tiêu cực tới các sản phẩm cạnh tranh nội địa tại Hoa Kỳ, cái mà đã buộc Hiệp hội Chủ trại nuôi cá nheo Hoa Kỳ khởi kiện các công ty xuất khẩu Việt Nam lên Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ vào năm 2002 với cáo buộc các công ty xuất khẩu Việt Nam đã bán phá giá tại thị trường nước này.

2.3.1.2. Ảnh hưởng 2

Trước những năm 1999, các nước thuộc liên minh châu Âu đã đánh giá các sản phẩm thủy sản của Việt Nam thuộc loại 2; là những lô hàng bắt buộc phải được kiểm duyệt 100%. Sau đó, vào 1999, các sản phẩm thủy sản Việt Nam được chuyển sang loại I, với nội dung kiểm tra ngẫu nhiên 5% lô hàng. Tuy nhiên, mặc dù đã gạt hái được uy tín của các nước châu Âu, nhiều vi phạm mà các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam đã xảy ra trong giai đoạn sau đó do cơ quan kiểm định chất lượng EU đã ứng dụng nhiều công nghệ mới phát hiện hóa chất hoặc các chất gây hại cho sức khỏe con người đã được phát hiện trong sản phẩm thủy sản của Việt Nam. Ngay sau đó, cơ quan kiểm duyệt của EU đã tại kiểm duyệt 100% các sản phẩm thủy sản nhập khẩu từ Việt Nam.

2.3.2. Bài học kinh nghiệm cho doanh nghiệp Việt Nam

Kể từ khi bắt đầu đổi mới vào năm 1986, Việt Nam đã bắt tay vào công cuộc đổi mới kinh tế toàn diện và mạnh mẽ. Một trụ cột chính của cải cách là hội nhập kinh tế, nhằm giảm các rào cản thương mại và đầu tư tại biên giới và sau biên giới. Hội nhập kinh tế đã mở rộng cơ hội thông qua việc tiếp cận đầu tư nước ngoài và thị trường nước ngoài, thích ứng với các quy tắc thương mại quốc tế, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu và nhiều lĩnh vực khác. Các nỗ lực hội nhập kinh tế chủ yếu tập trung vào tự do hóa thương

mại và đầu tư. Các nỗ lực tự do hóa sâu hơn về dịch chuyển lao động, tiêu chuẩn môi trường, chính sách cạnh tranh, v.v., chỉ được thể hiện rõ ràng hơn trong các hiệp định thương mại tự do (FTA) chất lượng cao như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Liên minh Châu Âu (EU) – Vietnam FTA (EVFTA), và các hiệp định khác.

Mặc dù đã có nhiều lợi thế trong quá trình hợp tác quốc tế với nhiều khu vực kinh tế khác trên thế giới, nhưng ngành thủy sản Việt Nam trước đó đã có những giai đoạn phát triển nóng và ồ ạt; kéo theo sự sụt giảm giá nghiêm trọng như vụ cá tra, cá ba sa. Việt phát triển nóng và thiếu quy hoạch đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới hình ảnh thương hiệu thủy sản Việt Nam sau khi nhiều vụ vi phạm chất lượng thực phẩm được phát hiện. Điều này kéo theo quá trình kiểm duyệt chất lượng sản phẩm diễn ra lâu hơn; gây thiệt hại cho các lô hàng xuất khẩu. Chính vì vậy, ngành thủy sản Việt Nam trên con đường khẳng định giá trị thương hiệu cần nghiên cứu sự phát triển bền vững, tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm hơn là tập trung vào số lượng.

Kết Luận

Trong thương mại quốc tế hiện nay, việc dỡ bỏ các hàng rào thuế quan và thay vào đó là các hàng rào phi thuế quan đã trở thành một xu thế, phù hợp với thông lệ quốc tế và các quy định trong WTO. Thị trường EU là nơi có hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa nhập khẩu khắt khe nhất trên thế giới, hệ thống tiêu chuẩn này thường xuyên được nâng cấp nhằm bảo vệ tối đa lợi ích người tiêu dùng EU, bảo vệ môi trường và lợi ích của người lao động. Đây được xem là rào cản lớn nhất đối với bất cứ một hàng hóa nào muốn xâm nhập thị trường EU.

Các mặt hàng thủy sản của Việt Nam xuất khẩu sang EU ngày càng tăng về sản lượng và giá trị, điều này cho thấy, thủy sản của Việt Nam đã đáp ứng tốt các yêu cầu của EU. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay đã xuất hiện thêm nhiều nhân tố mới như EU tăng dần các tiêu chuẩn chất lượng đối với hàng thủy sản, tỷ giá hối đoái trên thị trường Việt Nam, xu hướng cạnh tranh quyết liệt từ phía các đối thủ, chuyển biến trong nhu cầu tiêu dùng thủy sản của EU sẽ tác động tới hoạt động xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU trong giai đoạn tới.

Dựa vào khung lý thuyết về yêu cầu pháp lý, bài tiểu luận đã phân tích một cách sâu sắc các chính sách, cơ chế trong hệ thống hàng rào thuế quan và phi thuế quan của EU, đây là những nhân tố tác động chính tới xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, đồng thời đề tài cũng đưa ra những tranh chấp, án lệ trong hợp đồng mua bán thủy hải sản giúp các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam có một cách nhìn tổng quan về thị trường EU.

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Đây là tiền đề để thủy sản Việt Nam kịp thời điều chỉnh cơ cấu mặt hàng nhằm đáp ứng nhu cầu càng ngày càng khắt khe hơn của thị trường EU và tận dụng lợi ích do sự chuyển biến trên thị trường thủy sản thế giới. Các giải pháp được đưa ra nhằm nâng cao chất lượng, hạn chế rủi ro, tận dụng được lợi thế và nâng cao dần vị thế của thủy sản Việt Nam trên thị trường EU.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com